TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **26** /2021/DS-ST.
Ngày: 25 - 6 - 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lê Thị Sáu**
2. Ông **Phạm Đức Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít -** Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng -** Kiểm sát viên.

Ngày **25** tháng **6** năm **2021** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 157/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Ông **Nguyễn Trường X**, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

**** Bị đơn**:* Bà **Trần Thị M**, sinh năm: 1957. Địa chỉ: Thôn 12, xã Đ, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:* Bà **Cát Thị H**, sinh năm: 1960. Địa chỉ: Số 43/9 đường Phan Đăng Lưu, Phường S, Thành phố X, tỉnh Lâm Đồng. (*có mặt*).

Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; nội dung thỏa thuận của các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 328, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*".

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trường X đối với bà Trần Thị M về việc "*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*".

1. *Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:*

Buộc bà Trần Thị M phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Trường X số tiền là 360.000.000đ (*Ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Bà Trần Thị M được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về "*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*".

Ông Nguyễn Trường X không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Trường X được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004664 ngày 04 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày công bố và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện B;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường